

ONLINE HAY OFFLINE: BÀI HỌC KINH NGHIỆM KHI ỨNG DỤNG HỌC TẬP TÍCH HỢP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ONLINE OR OFFLINE: LESSONS LEARNED IN ADOPTION OF BLENDED LEARNING AT UNIVERSITY OF ECONOMICS - THE UNIVERSITY OF DANANG

Đoàn Thị Liên Hương

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng; huong.dtl@due.edu.vn

Tóm tắt - Các hình thức học tập trên nền tảng công nghệ (mà elearning là một ví dụ) mặc dù đã khắc phục được các nhược điểm của học tập trong lớp học truyền thống song vẫn ẩn chứa một số hạn chế. Cách tiếp cận blended learning, hướng đến sự tích hợp của hình thức học tập mặt đối mặt truyền thống và học tập trên nền Internet đã được chứng minh là mô hình học tập hiệu quả nhất. Bài viết sẽ phân tích các khái niệm cơ bản, tác dụng của blended learning khi ứng dụng tại Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng. Căn cứ trên các kinh nghiệm thực tế và khuôn khổ lý thuyết (mô hình Khan), bài viết cũng đề xuất một số biện pháp để nâng cao hơn nữa lợi ích của blended learning trong dạy và học tại các cơ sở giáo dục đại học.

Từ khóa - học tập tích hợp; elearning; học tập truyền thống; bài học kinh nghiệm; giáo dục đại học

1. Đặt vấn đề

Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và học tập đã trở thành một yêu cầu tất yếu đối với các cơ sở giáo dục đại học. Các hình thức giảng dạy trên nền tảng công nghệ như elearning mặc dù đã khắc phục được các nhược điểm của hình thức giảng dạy truyền thống trên lớp học, song vẫn còn nhiều bất cập như đòi hỏi mức độ sẵn sàng cao về công nghệ đối với cả người học, người dạy và nhà trường; đòi hỏi sự thay đổi toàn diện trong tư duy giảng dạy và tự duy học tập [1]. Trong bối cảnh đó, mô hình blended learning với cách tiếp cận tích hợp cả hai hình thức giảng dạy trực tuyến và trực tiếp là một giải pháp ưu việt, giúp hạn chế các nhược điểm, đồng thời phát huy thế mạnh của cả hai hình thức giảng dạy và học tập nói trên.

Bài viết này sẽ trình bày các khái niệm cơ bản, lợi ích của mô hình blended learning, đồng thời giới thiệu một số kinh nghiệm khi áp dụng mô hình này trong việc nâng cao chất lượng dạy và học tại Trường Đại học Kinh tế (ĐHKT) - Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN). Trên cơ sở tổng hợp các kinh nghiệm thực tế và lý thuyết, bài viết sẽ phân tích một khuôn khổ, từ đó đưa ra các đề xuất để nâng cao chất lượng của hoạt động giảng dạy tích hợp tại các trường đại học.

2. Tổng quan về học tập tích hợp

2.1. Định nghĩa

Có nhiều định nghĩa khác nhau về học tập tích hợp, song các định nghĩa phổ biến nhất đều nhấn mạnh đến sự kết hợp giữa môi trường học tập trực tiếp (offline) và môi trường trực tuyến (online). Graham [2] định nghĩa học tập tích hợp là sự giao thoa của bối cảnh mặt đối mặt (đặc trưng bởi các tương tác đồng bộ giữa người dạy và người học) với bối cảnh công nghệ và thông tin (vốn có tính chất phi đồng bộ-asynchronous). Mason và Rennie [3] mở rộng định nghĩa này bao gồm “các kết hợp khác nhau về công

Abstract - In recent years, technology-based learning approaches (elearning as an example) have appeared and overcome the disadvantages of traditional learning in face to face settings, but they still reveal a number of limitations. Blended learning, which integrates traditional teaching and online-based teaching, has proven to be the most effective learning model. This paper will analyze the basic concepts of blended learning and discuss experiences when applying it at University of Economics - the University of Danang. Drawing upon these hand-on experiences and Khan's framework, the paper puts forward some recommendations to further improve the benefits of blended learning in higher education institutions.

Key words - blended learning; e-learning; traditional face to face learning; learned lessons; higher education training

nghệ, địa điểm hoặc cách tiếp cận về giảng dạy” (p.12). Garrison và Vaughan [4] thì cho rằng học tập tích hợp là sự kết hợp có chủ đích của các trải nghiệm học tập offline và online.

Như vậy về cơ bản, học tập tích hợp là cách tiếp cận kết hợp của hai hình thức học tập trực tuyến và học tập mặt đối mặt truyền thống. Ở phương pháp học tập truyền thống, người học đến lớp theo thời khóa biểu đã ấn định để thực hiện các hoạt động học tập với giáo viên và với các sinh viên khác. Còn học tập trực tuyến là phương pháp học tập được triển khai hoàn toàn dựa trên nền tảng công nghệ thông tin và Internet [5], trong đó người học không phải di chuyển đến lớp học mà thực hiện các hoạt động học tập từ xa thông qua các kênh giao tiếp trên Internet. Trong phương pháp học tập tích hợp thì hoạt động học tập diễn ra ở ba không gian khác nhau là trên lớp, ở nhà và trên hệ thống trực tuyến. Ngoài thời gian ở trên lớp thì người học có thể dành thêm thời gian ở nhà để hoàn thành một số nhiệm vụ được giao hoặc tự học theo định hướng của mình. Người học vừa được trải nghiệm các hình thức của lớp học truyền thống như bài giảng, lớp học, tài liệu, vừa đồng thời trải nghiệm các công nghệ về thông tin và truyền thông như máy tính, Internet, wifi và công nghệ di động.

Picciano [6] đề xuất một mô hình phân loại các cấp độ học tập tích hợp bằng cách sử dụng 2 tiêu chí: mức độ thay thế giữa trực tuyến và trực tiếp; mức độ sử dụng công nghệ trong khóa học. Từ đó có 4 cấp độ của blended learning như sau:

- Sinh viên và giáo viên gặp gỡ trong lớp học truyền thống, đồng thời có sử dụng các công nghệ đơn giản như email, web cho bài giảng điện tử.

- Sinh viên và giáo viên gặp gỡ trong lớp học truyền thống, sử dụng đồng thời các công nghệ cao như mô phỏng, video số, trợ giảng số...

- Sinh viên và giáo viên gặp gỡ online, sử dụng các công

nghe đơn giản như CMS, bảng tin điện tử (electronic bulletin board).

- Sinh viên và giáo viên gặp gỡ online, sử dụng đa công nghệ vừa đồng bộ và phi đồng bộ phức tạp như blog, wiki, video conferencing...

2.2. *Áp dụng mô hình học tập tích hợp tại Trường ĐHKHT*

2.2.1. *Học tập tích hợp trên nền tảng Moodle*

Hệ thống học tập trực tuyến (elearning) dựa trên nền tảng Moodle của Trường ĐHKHT được triển khai mạnh mẽ từ năm 2012. Giảng viên nhà trường được khuyến khích xây dựng thêm các nội dung trực tuyến đối với tất cả các môn học giảng dạy trong trường. Tài khoản thành viên Moodle được tích hợp với tài khoản chính thức của sinh viên và giảng viên nhà trường.

Về mặt nội dung, đề cương học phần, lịch trình giảng dạy, tài liệu học tập được đưa vào hệ thống học trực tuyến ngay khi học kỳ mới bắt đầu. Bên cạnh đó các thông báo của riêng lớp học cũng được cập nhật kịp thời trên hệ thống. Điều này giúp sinh viên có thể cập nhật trước thông tin cho lớp học sắp tới ở bất kỳ nơi đâu, đồng thời tiếp cận được tài liệu học tập, từ đó chủ động hơn trong kế hoạch học tập của mình. Tính năng này đặc biệt hữu ích với các học viên cao học và nghiên cứu sinh ở các địa phương khác, vốn học tập theo hình thức tập trung không liên tục. Elearning cũng đóng vai trò là một kênh truyền thông liên lạc hiệu quả giữa giảng viên, nhà trường với người học và giữa người học với nhau.

Về mặt hoạt động, các câu hỏi, đề tài thảo luận, góc chia sẻ đều được thực hiện trên các diễn đàn của lớp học trực tuyến. Ngoài thời gian dạy trên lớp, các giảng viên phụ trách môn học thường xuyên kiểm tra các diễn đàn và giải đáp kịp thời mọi câu hỏi, thắc mắc của sinh viên. Thực tế áp dụng đã cho thấy các diễn đàn trực tuyến là công cụ hỗ trợ tích cực đối với người học đặc biệt là các học viên cao học và nghiên cứu sinh ở các địa phương khác. Các thảo luận làm gia tăng tương tác giữa người học, giúp họ duy trì sự hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động học tập; đồng thời giảng viên vẫn có sự tương tác kịp thời cần thiết.

Hệ thống Moodle cũng là nơi để người học nhận đề và nộp bài tập cá nhân, bài tập nhóm; làm các bài kiểm tra và thi giữa kỳ. Giảng viên đóng vai trò là người chấm điểm, nhận xét từng câu, từng bài trực tiếp trên hệ thống. Người học có thể xem ngay kết quả cùng những lời nhận xét của giảng viên để rút ra bài học kinh nghiệm, điều chỉnh phương pháp, kế hoạch học tập. Đồng thời hệ thống cũng giúp cho giảng viên có thể kết hợp nhiều hình thức đánh giá khác nhau như trắc nghiệm khách quan, tự luận hoặc vấn đáp; phù hợp với mục tiêu của chương trình đào tạo và hoạt động giảng dạy. Bên cạnh đó, thông qua chỉ số thống kê trên Moodle, giảng viên có thể nắm được mức độ tham gia vào lớp học của từng người học, đánh giá mức độ khó dễ, phức tạp của các bài kiểm tra, khả năng tiếp thu của người học, những vấn đề người học thực sự chưa nắm vững và cần giảng lại, v.v. từ đó đưa ra kế hoạch điều chỉnh tương ứng.

2.2.2. *Học tập tích hợp trên nền tảng Facebook*

Sự bùng nổ của các mạng xã hội đặc biệt là Facebook đã có tác động sâu sắc tới hoạt động dạy và học trong các

trường Đại học. Tại Trường ĐHKHT, hầu hết sinh viên và giảng viên đều có tài khoản Facebook và sử dụng nó trong cuộc sống hàng ngày để giao tiếp và tương tác với những người khác. Đặc biệt rất nhiều giảng viên đã sử dụng Facebook để hỗ trợ giảng dạy thông qua việc hình thành các nhóm Facebook. Giảng viên sẽ trở thành người điều phối (administrator) của các nhóm và triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ giảng dạy như chia sẻ các tài liệu học tập, lịch trình giảng dạy, các thông tin thông báo lên tường của nhóm. Các hoạt động thảo luận cũng có thể được giảng viên triển khai dễ dàng hơn so với các diễn đàn thảo luận của Moodle thông qua các bài post trên tường. Qua các bài post, giảng viên cũng có thể nhanh chóng chia sẻ các file hình ảnh, video v.v.

Một số giảng viên cũng tích cực sử dụng tính năng facebook doc để khuyến khích sự hợp tác, chia sẻ tài nguyên với học viên cũng như giữa các học viên với nhau. Ngoài ra Facebook còn có tính năng “Like” cho phép người học đánh giá các bài post, các thảo luận. Đặc biệt tính năng “thông báo” của Facebook rất hữu ích vì cho phép người học cập nhập được các thông tin mới nhất về hoạt động của nhóm, cũng như các yêu cầu của giáo viên. Nhìn chung, facebook là một công cụ rất hiệu quả để gia tăng tính tương tác giữa thầy và trò.

2.2.3. *Học tập tích hợp trên nền tảng Edmodo*

Từ năm 2016, được sự hỗ trợ của Dự án MekongSkills2work do Quỹ hỗ trợ Phát triển Hoa Kỳ tài trợ về đổi mới phương pháp giảng dạy, Khoa Kế toán, Khoa Du lịch và Khoa Thống kê - Tin học của Trường ĐHKHT bắt đầu ứng dụng nền tảng Edmodo cho một số môn học do khoa phụ trách ở bậc đại học cũng như sau đại học.

Edmodo là một Hệ thống Quản lý Học tập miễn phí được phát triển theo hướng mạng xã hội học tập (Social Learning Platform), với số lượng người dùng hiện nay đã lên đến hơn 86 triệu người¹. Edmodo có phần giao diện khá giống với facebook và một số mạng xã hội khác. Tuy nhiên, người dùng bắt buộc phải đăng ký user riêng để tham gia Edmodo, đặc biệt Edmodo còn có tài khoản dành cho đối tượng là phụ huynh.

Về nội dung, các tài nguyên học tập (bài giảng, đề cương chi tiết, lịch trình giảng dạy), các thông báo, tài liệu đều có thể được người dạy post thẳng lên trang chủ của lớp học hoặc đưa vào trong thư viện (Library), các thư mục (Folder) hoặc kết nối tới các dịch vụ lưu trữ khác như Google Drive, Dropbox... sau đó chia sẻ với các nhóm (các lớp học) khác nhau. Các thành viên tham gia như người dạy, người học và phụ huynh tương tác với nhau thông qua các bài đăng như các mạng xã hội, các thành viên khác có thể like hoặc phản hồi lại. Thành viên có thể lựa chọn hình thức nhận được các thông báo, chẳng hạn là qua email hoặc tin nhắn điện thoại. Edmodo có thêm tính năng tạo và đặt lịch đăng các ghi chép (Note) khá tiện lợi.

Về hoạt động, trong một lớp, người dạy có thể tạo ra các nhóm nhỏ để thảo luận về những chủ đề khác nhau của khóa học, tổ chức các hoạt động theo nhóm, gửi thông báo và làm bài tập theo nhóm. Về mặt đánh giá, người dạy cũng có thể giao bài tập, ra đề thi trắc nghiệm trên Edmodo.

¹ About Edmodo. Retrieved November 02, 2017, from <https://www.edmodo.com/about>

Ngoài ra, Edmodo còn cung cấp tính năng theo dõi tiến độ học tập thông qua việc đánh giá điểm và trao thưởng huy hiệu cho người học. Tính năng này giúp trực quan hóa quá trình học tập của người học và cung cấp nhiều thông tin hữu ích, giúp cho người dạy có những điều chỉnh hợp lý ngay trong khi quá trình học tập đang diễn ra. Một tính năng tốt nữa của Edmodo đó là Shared Teachers (Chia sẻ Giáo viên) trong đó một lớp có thể được quản lý bởi nhiều người dạy, tạo điều kiện cho việc cộng tác tốt hơn trong việc thiết kế và chuyển giao các lớp học.

Tuy nhiên, một nhược điểm của Edmodo là thiếu tính năng để thiết kế và tổ chức nội dung của một khóa học, không có tính năng cá nhân hóa mục tiêu và hoạt động học tập cho người học.

2.3. Kết quả và những hạn chế

Bảng 1. Thống kê về sử dụng Moodle tại Trường ĐHKT.

Nguồn: Trung tâm CNTT&TT – Trường ĐHKT

Thông tin	Số liệu
Thời gian áp dụng elearning	Thử nghiệm 4/2012 Chính thức 8/2012
Số lượng lớp học đã xây dựng	1055
Số lượng giảng viên đã sử dụng	417
Số lượng sinh viên đã tham gia hệ thống	38566

Kinh nghiệm áp dụng các hệ thống Moodle, Facebook và Edmodo tại Trường ĐHKT cho thấy mỗi hệ thống đều có ưu điểm riêng trên một số tính năng nhất định và có thể bổ sung cho nhau. Xét về số lượng người sử dụng tại Trường ĐHKT, mặc dù chưa có số liệu thống kê cụ thể, nhưng dường như Facebook được chấp nhận rộng rãi nhất, vì thân thiện, mang tính tương tác cao và tiện lợi. Moodle lại ưu việt hơn ở hệ thống đánh giá, kiểm tra, lưu trữ tài nguyên học tập và phong phú về các hoạt động học tập. Vì lý do này, Moodle cũng được nhiều thầy cô quan tâm sử dụng (**Bảng 1**). Edmodo thì vừa kết hợp được tính chất của mạng xã hội vừa là hệ thống quản lý học tập; tuy nhiên chỉ mới phổ biến trong một số lượng nhỏ học viên và giảng viên tham gia dự án MekongSkills2Work.

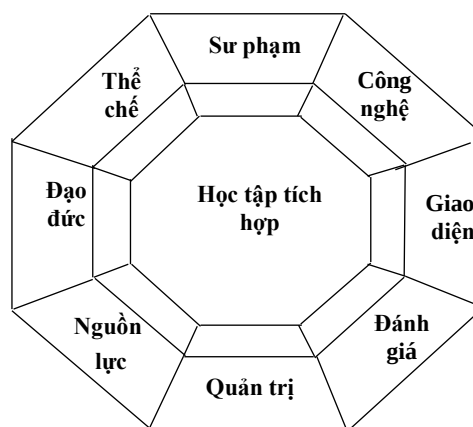
Tuy đã có nhiều thành công bước đầu, việc triển khai các lớp học tích hợp trên 3 nền tảng nói trên vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Một số giảng viên chỉ mới sử dụng Moodle như là một công cụ để gửi tài liệu học tập mà chưa khai thác được các tính năng hữu ích khác của hệ thống. Nhiều giảng viên khác đơn thuần chỉ lắp ghép cơ học hoạt động trực tuyến và trực tiếp chứ chưa có sự tích hợp về cách thức, nội dung, phương pháp giảng dạy và hình thức đánh giá. Bên cạnh đó, do hệ thống Moodle đòi hỏi người dùng (cả giảng viên và học viên) phải có mức độ am hiểu về công nghệ nhất định nên số lượng giảng viên áp dụng Moodle vào giảng dạy vẫn chưa chiếm số đông.

Đối với Edmodo, điểm yếu là không có tính năng cá nhân hóa mục tiêu và hoạt động học tập cho người học. Còn Facebook được sử dụng chủ yếu để tương tác và kết nối, các hoạt động học tập khác chưa được chú trọng. Bên cạnh đó, việc sử dụng đồng thời nhiều hệ thống khác nhau như Moodle, Edmodo và Facebook khiến sinh viên và giảng viên đều phải mất thời gian để tìm hiểu, làm quen với các tính năng, tác dụng của hệ thống mới, đồng thời mất

thời gian chuyển đổi giữa các hệ thống. Đặc biệt áp dụng blended learning một cách có chủ đích, dù trên nền tảng nào, đều đòi hỏi giảng viên phải dành rất nhiều thời gian và nỗ lực cho việc thiết kế lại toàn bộ các hoạt động giảng dạy theo hướng tích hợp. Do đó, khối lượng công việc của giảng viên sẽ gia tăng đáng kể.

Một số khó khăn khác nữa là sự đòi hỏi về nền tảng cơ sở hạ tầng công nghệ của nhà trường. Áp dụng các hệ thống trên yêu cầu nhà trường cần phải có máy chủ mạnh, hệ thống đường truyền và wifi rộng rãi để đảm bảo khả năng truy cập Internet mọi lúc mọi nơi của giảng viên và người học. Do hạn chế về hạ tầng này nên việc ứng dụng học tập tích hợp vẫn chưa thu hút được nhiều quan tâm của giảng viên. Ở phần tiếp theo của bài viết, chúng tôi sẽ đề xuất một số các giải pháp để blended learning thực sự trở thành giải pháp tích cực, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy tại nhà trường.

3. Một số giải pháp và khuyến nghị



Hình 1. Mô hình Khan trích dẫn bởi Singh [1] về các yếu tố của học tập tích hợp

Dựa trên mô hình của Khan trích dẫn bởi Singh [1] khái quát hóa 8 yếu tố của một hệ thống học tập tích hợp, bài viết này sẽ giới thiệu một số giải pháp để nâng cao hiệu quả của học tập tích hợp, bao gồm 8 phương diện: thể chế, sự phạm, giao diện, công nghệ, đánh giá, nguồn lực, quản trị và đạo đức.

3.1. Thể chế

Thể chế của một hệ thống học tập tích hợp bao gồm các vấn đề về công tác tổ chức, hành chính, đào tạo và dịch vụ sinh viên. Trước khi xây dựng kế hoạch cho chương trình học tập tích hợp, nhà trường cần xem xét mức độ sẵn sàng của tổ chức, sự sẵn có của các nguồn lực về công nghệ, mức độ động lực thúc đẩy của đội ngũ giảng dạy, các hệ thống kênh truyền thông và phản hồi đối với giáo viên [8].

Sau khi đã đánh giá được hiện trạng, mức độ sẵn sàng của hệ thống và con người, nhà trường cần triển khai các hoạt động đào tạo cho đội ngũ giảng viên không chỉ về phương diện kỹ thuật của các công nghệ học tập tích hợp, mà còn về ý nghĩa và nội hàm của giảng dạy tích hợp, từ đó các thầy cô mới có được động lực và sự cam kết đối với cách tiếp cận dạy và học mới [9].

Áp dụng các hoạt động giảng dạy tích hợp phải đi theo một lộ trình từ các hoạt động đơn giản như sử dụng hệ thống

để chuyển tải liệu, thông báo, cho đến hoạt động phức tạp hơn cần phải tái thiết kế toàn bộ cả hệ thống cũng như cả quá trình giảng dạy như sử dụng video, diễn đàn thảo luận, tương tác trực tuyến v.v. Cần xem giảng dạy tích hợp là một chỉnh thể hoàn chỉnh thay vì chỉ là sự kết hợp cơ học giữa các yếu tố công nghệ và các lớp học truyền thống [5], [9], [10].

Song song với hoạt động đào tạo, nhà trường cần có sự khuyến khích về mặt vật chất để hỗ trợ cho công sức mà người dạy đã đầu tư cho việc thiết kế, triển khai hoạt động tích hợp. Bên cạnh đó, nhà trường cần phải có quy định về việc kiểm tra đánh giá và công bố thường xuyên kết quả của việc áp dụng cách tiếp cận giảng dạy tích hợp, xem ứng dụng học tập tích hợp là một trong những tiêu chí đánh giá thành tích của cán bộ giảng viên nhà trường.

3.2. Sự phạm

Khi áp dụng học tập tích hợp, giảng viên cần nghiên cứu để lựa chọn phương tiện truyền đạt, xác định mức độ kết hợp giữa hình thức trực tuyến và phi tuyến dựa trên sự đánh giá thấu đáo ưu và nhược điểm của từng hình thức cũng như mức độ phù hợp đối với người học. Sự kết hợp giữa 2 môi trường không nên là sự kết hợp cơ học mà phải là sự tích hợp mang tính chủ đích [11]. Chuẩn đầu ra, các hoạt động giảng dạy học tập và phương thức đánh giá cần phải được chỉ rõ trong đề cương chi tiết của môn học và có sự tương thích của 3 thành phần. Giáo viên cũng cần xây dựng một lịch trình giảng dạy cụ thể, ghi rõ các hoạt động trên các nền tảng khác nhau (Facebook, Edmodo, hay Moodle) theo trình tự trước, trong và sau buổi học, đặc biệt chú trọng hướng dẫn các hoạt động online.

Bên cạnh đó, cần đặc biệt chú trọng vai trò của người thầy. Nếu giảng viên thiếu sự động viên, không nhấn mạnh tính cấp thiết và tầm quan trọng của các hoạt động online (ví dụ các thảo luận online), thiếu hiệu quả trong việc gắn kết các hoạt động online với hoạt động trên lớp; thì người học sẽ coi nhẹ các hoạt động học tập trên môi trường online [12].

Nhà trường cũng cần chú ý hỗ trợ cho giảng viên về vấn đề tâm lý do sợ mất kiểm soát, sợ bị sinh viên cho phản hồi kém khi áp dụng phương pháp mới [13]. Ngoài ra, khối lượng công việc gia tăng thêm của giảng viên cũng cần được xem xét. Littlejohn và Pegler [10] đã chỉ ra rằng, cần phải có đầu tư thích đáng cho cả nhà trường lẫn giảng viên, đồng thời đề xuất việc xây dựng các cơ sở dữ liệu, nguồn tài nguyên số hóa dùng chung để đảm bảo rằng các nỗ lực giảng dạy tích hợp sẽ duy trì và có tác dụng lâu dài hơn.

Về phía người học, nhà trường cần đánh giá về khả năng sẵn sàng của người học đối với cách tiếp cận tích hợp, về kỹ năng sử dụng các nền tảng công nghệ mới như Moodle, Edmodo [8]. Về nhận thức, người học thường quan niệm sai lầm rằng nếu số buổi học truyền thống giảm đi thì khối lượng công việc sẽ giảm. Do đó giảng viên cần nhấn mạnh ý thức trách nhiệm của học viên đối với việc học, cũng như giúp người học cải thiện kỹ năng học và kỹ năng quản lý thời gian [8], [13]. Giáo viên cũng cần truyền thông một cách tích cực, nhất quán về các yêu cầu và kỳ vọng đối với chương trình học tập, cũng như các bước cụ thể của tiến trình học tập tích hợp [9].

3.3. Công nghệ

Trên phương diện này, các cơ sở giáo dục đào tạo nói

chung và Trường ĐHKT cần xem xét liệu Moodle có phải là hệ thống quản lý học tập và quản trị nội dung (Learning Management System- Learning Content Management System) phù hợp nhất. Hệ thống LMS tốt phải là hệ thống giúp quản lý các hoạt động đào tạo bao gồm: ghi nhận thành viên, tạo các khóa học, phân cấp khóa học, ghi nhận dữ liệu từ người dùng, cung cấp các thông báo cho việc quản lý. LMS phải lưu giữ và cá nhân hóa thông tin về học viên, về công tác đào tạo có liên quan tới học viên. Trong khi LCMS đạt yêu cầu phải cho phép giáo viên tạo, lưu trữ, lắp ráp, quản lý các nội dung đào tạo một cách linh hoạt để truyền tải qua các kênh khác nhau (mạng, bản in v.v.)

Từ kinh nghiệm của Trường ĐHKT, các cơ sở đào tạo cũng cần xem xét các vấn đề như hệ thống máy chủ, mức độ dễ dàng truy cập, băng thông, bảo mật, cũng như các vấn đề khác về phần cứng, phần mềm và cơ sở hạ tầng để đảm bảo thực thi tốt hệ thống.

3.4. Giao diện (Interface)

Hệ thống Moodle hay các hệ thống tích hợp khác phải đảm bảo rằng giao diện hỗ trợ thầy và trò trong việc sử dụng một tính năng bất kỳ của hệ thống, đồng thời giao diện cũng phải thông minh để giúp người dùng dễ dàng sử dụng các phương thức học tập khác nhau cũng như dễ dàng chuyển đổi giữa phương thức này sang phương thức khác (nghe giảng video, thảo luận trực tuyến, làm bài tập trực tuyến v.v.). Các tính năng như đồ họa, tính năng hỗ trợ v.v. cần phải được xem xét. Các hệ thống như Edmodo và Facebook với giao diện thân thiện đã giải quyết rất tốt vấn đề này.

3.5. Đánh giá

Khía cạnh đánh giá liên quan đến mức độ hữu dụng của một chương trình học tập tích hợp. Ngoài ra, trong chương trình học tập tích hợp, cần có hình thức đánh giá riêng phù hợp đối với mỗi cách thức giảng dạy. Hình thức đánh giá cần phải được công bố rõ trong đề cương giảng dạy. Đồng thời, nhà trường cần phải xây dựng các quy trình, thủ tục để đánh giá hiệu quả của giảng viên và hiệu quả của các hệ thống học tập tích hợp như Moodle, Edmodo.

3.6. Quản lý

Khía cạnh quản lý liên quan các vấn đề cơ sở hạ tầng và hậu cần hỗ trợ các hình thức giảng dạy (truyền tải) khác nhau. Nhà trường cần xem xét kỹ việc phối hợp giữa các công cụ học tập tích hợp (ví dụ Moodle, Edmodo và Facebook) với nhau cũng như với các phương pháp giảng dạy truyền thống. Cần xem xét rõ công cụ nào là chủ đạo, công cụ nào đóng vai trò hỗ trợ cũng như mức độ hỗ trợ; căn cứ trên đặc thù của người dạy, người học và nội dung môn học. Để sự kết hợp là tốt nhất, nhà trường nên có hướng dẫn cụ thể về cách thức kết hợp, đồng thời hỗ trợ cho thầy và trò trong việc sử dụng từng hệ thống.

3.7. Nguồn lực hỗ trợ

Nhà trường cần chú trọng xây dựng các loại tài nguyên khác nhau (ngoại tuyến và trực tuyến) dành cho người học như bài giảng, power point, video, giáo trình v.v. cũng như tổ chức sắp xếp tài nguyên sao cho hợp lý nhất để người học dễ tiếp cận nhất. Bên cạnh đó, nhà trường cũng nên bố trí nhân sự hỗ trợ cho chương trình như trợ giảng, hoặc cố vấn học tập có thể sẵn sàng giúp đỡ trực tiếp hoặc qua email, hay hệ thống chat.

3.8. Đạo đức

Khi phát triển một chương trình học tập tích hợp, nhà trường cũng đặc biệt cần quan tâm đến các vấn đề như cơ hội bình đẳng hay tính đa dạng văn hoá v.v. Ví dụ, nên xem xét liệu tất cả các sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh của nhà trường đều có khả năng tiếp cận với Internet và máy tính ở mọi nơi mọi lúc hoặc trong các khung thời gian theo yêu cầu để thực hiện các hoạt động của giảng dạy tích hợp hay không.

4. Kết luận

Giảng dạy nói chung và giảng dạy ở bậc đại học nói riêng là một tiến trình thay đổi và phát triển liên tục. Sự xuất hiện của các công nghệ mới giúp cho các hoạt động học tập và giảng dạy trở nên linh hoạt hơn, có thể kết hợp với các hình thức giảng dạy truyền thống để mang lại lợi ích lớn nhất cho người học. Bài viết đã trình bày các khái niệm và lợi ích của mô hình giảng dạy và học tập tích hợp, cùng với một số kinh nghiệm ban đầu khi áp dụng hệ thống tích hợp cho việc dạy và học tại Trường ĐHKHT-ĐHĐN. Thực tiễn đã cho thấy rằng học tập tích hợp - blended learning là một mô hình giảng dạy mới, đầy sáng tạo, mang lại hiệu quả và nhiều lợi ích cho người học. Người học có thể tự chủ hơn linh hoạt hơn trong học tập, gia tăng tương tác với các người học khác, đồng thời tiếp cận được dễ dàng hơn các nguồn tài nguyên vô tận của Internet. Tuy nhiên, mô hình vẫn còn gặp nhiều khó khăn và bất cập khi triển khai ở diện rộng. Do đó, bài viết, trên cơ sở nghiên cứu mô hình của Khan đã đề xuất một số giải pháp để áp dụng đồng bộ hơn cách tiếp cận tích hợp, nhằm góp phần giúp cho mô hình thực sự phát huy được vai trò giúp người học đến gần hơn với thế giới khoa học, tiếp cận với các tiêu chuẩn quốc

tế trong giảng dạy và học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] H. Singh, "Building Effective Blended Learning Programs", *Educ. Technol.*, vol. 43, no. 6, pp. 51–54, 2003.
- [2] C. Graham, "Blended learning systems. Definitions, current trends and future directions.", in *Handbook of blended learning: Global Perspectives, local designs*, C. Graham and C. Bonk, Eds. San Francisco: John Wiley and Sons, 2006.
- [3] R. Mason and F. Rennie, *Elearning: The Key Concepts*. London: Routledge, 2006.
- [4] R. Garrison and N. D. Vaughan, *Blended learning in higher education: framework, principles and guidelines*. Jossey-Bass, 2007.
- [5] J. L. Moore, C. Dickson-Deane, and K. Galyen, "E-Learning, online learning, and distance learning environments: Are they the same?", *Internet High. Educ.*, vol. 14, no. 2, pp. 129–135, 2011.
- [6] A. G. Picciano, "Blending with purpose: The multimodal model", *J. Res. Cent. Educ. Technol.*, vol. 5, no. 1, pp. 4–14, 2009.
- [7] M. L. Katz and C. Shapiro, "Technology Adoption in the Presence of Network Externalities", *J. Polit. Econ.*, vol. 94, no. 4, pp. 822–841, 1986.
- [8] S. Tabor, "Narrowing the distance: Implementing a hybrid learning model for information security education", *Q. Rev. Distance Educ.*, vol. 8, no. 1, pp. 47–57, 2007.
- [9] R. Sharpe, G. Benfield, G. Roberts, and R. Francis, "The undergraduate experience of blended e-learning: a review of UK literature and practice Executive summary", 2006.
- [10] A. Littlejohn and C. Pegler, *Preparing for Blended e-Learning*. 2007.
- [11] D. R. Garrison and H. Kanuka, "Blended learning: Uncovering its transformative potential in higher education", *Internet High. Educ.*, vol. 7, no. 2, pp. 95–105, 2004.
- [12] P. Gerbic, "On-campus students' learning in asynchronous environments", Deakin University- Melbourne, Australia, 2006.
- [13] N. Vaughan, "Perspectives on Blended Learning in Higher Education", *Int. J. ELearning*, vol. 6, no. 1, pp. 81–94, 2007.

(BBT nhận bài: 07/11/2017, hoàn tất thủ tục phân biên xong: 18/12/2017)